



DAT XANH GROUP



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tháng 07/2015

M C L C

PH N M U	5
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	5
i u 1. Gi i thích thu t ng	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	5
III. M C TIÊU VÀ PH M VI HO T NG C A CÔNG TY	6
i u 3. M c tiêu ho t ng	6
i u 4. Ph m vi ho t ng	6
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	6
i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p	6
i u 6. Ch ng nh n c phi u	7
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác	7
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	7
i u 9. Thu h i c ph n	8
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT	8
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	8
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	8
i u 11. Quy n c a c ông	8
i u 12. Ngh a v c a c ông	10
i u 13. i h i ng c ông	10
i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	11
i u 15. Các i di n c y quy n	12
i u 16. Thay i các quy n	13
i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông	14
i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông	15
i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i h i ng c ông	15
i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17

i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17
i u 22. Biên b nh p i h i ng c ông	19
i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	19
VII. H I NG QU N TR	20
i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	20
i u 25. Quy nh n và nhi m v c a H i ng qu n tr	21
i u 26. Ch t ch H i ng qu n tr	23
i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	23
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY	26
i u 28. T ch c b máy qu n lý	26
i u 29. Cán b qu n lý	26
i u 30. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy nh n c a T ng giám c i u hành	27
i u 31. Th ký Công ty	28
IX. BAN KI M SOÁT	28
i u 32. Thành viên Ban ki m soát	28
i u 33. Ban ki m soát	29
X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC	30
i u 34. Trách nhi m c n tr ng	30
i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i	30
i u 36. Trách nhi m v thi th i và b i th ng	31
XI. QUY N I U TRA S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	32
i u 37. Quy n i u tra s sách và h s	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN	33
i u 38. Công nhân viên và công oàn	33
i u 39. Phân ph i l i nhu n	33
XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN	34
i u 40. Tài kho n ngân hàng	34
i u 41. N m tài chính	34

i u 42. Ch k toán	34
XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	34
i u 43. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý	34
i u 44. Báo cáo th ng niên	35
XVI. KI M TOÁN CÔNG TY	35
i u 45. Ki m toán	35
XVII. CON D U	35
i u 46. Con d u	35
XVIII. CH M D T HO T NG VÀ THANH LÝ	35
i u 47. Ch m d t ho t ng.....	35
i u 48. Gia h n ho t ng.....	36
i u 49. Thanh lý	36
XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B	37
i u 50. Gi i quy t tranh ch p n i b	37
XX. B SUNG VÀ S A I I U L	37
i u 51. B sung và s a i i u l	37
XXI. NGÀY HI U L C.....	37
i u 52. Ngày hi u l c	37

PH N M U

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c vào ngày 15 tháng 05 n m 2015

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:
 - a. "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014;
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh) l n u;
 - d. "Cán b qu n lý" là T ng giám c i u hành, Phó T ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n;
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
 - f. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
 - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ng h a Vi t Nam;
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .
3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên ti ng Vi t : **CÔNG TY C PH N D CH V VÀ XÂY D NG A C T XANH**
 - Tên ti ng Anh : Dat Xanh Real Estate Service and Construction Joint Stock Company.
 - Tên vi t t t : t Xanh
2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
3. Tr s ng ký c a Công ty là:
 - a ch : 27 inh B L nh, Ph ng 24, Qu n Bình Th nh, Tp.HCM.

- i n tho i : (84-8) 62 52 52 52
- Fax : (84-8) 62 85 38 96
- E-mail : info@datxanh.com.vn
- Website : http://www.datxanh.com.vn

4. Ch t ch H i ng qu n tr là i di n theo pháp lu t c a Công ty.
5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.
6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo Kho n 2 i u 47 ho c gia h n ho t ng theo i u 48 i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

III. M C TIÊU VÀ PH M VI HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng

M c tiêu ho t ng c a Công ty là Công ty c thành l p huy ng và s d ng v n có hi u qu trong vi c phát tri n các ho t ng kinh doanh và d ch v nh m m c tiêu thu l i nhu n t i a; t o vi c làm n nh, c i thi n i u ki n làm vi c và nâng cao i s ng c a ng i lao ng trong công ty; m b o l i ích cho các c ông và làm tròn ngh a v v i ngân sách nhà n c.

i u 4. Ph m vi ho t ng

Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là **1.168.635.700.000 VND** (b ng ch : ***M t ngàn m t tr m sáu m i tám t sáu tr m ba m i l m tri u b y tr m ngàn ng***).
- T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 116.863.570 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.
2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này bao g m c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v kèm theo c ph n c quy nh t i i u 11.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. Tên, a ch , s l ng c ph n và các chi ti t khác v c ông sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p c nêu t i ph l c I ính kèm. Ph l c này là m t ph n c a i u l này.

6. Công ty có thể chào bán cho các công ty khác theo một số điều kiện quy định trong Công ty, trừ trường hợp khác. Sản phẩm công ty không ký mua hàng do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối sản phẩm cho các công ty khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không bán sản phẩm theo các điều kiện thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các công ty khác trừ trường hợp sản phẩm bán qua Giao dịch chứng khoán theo phương thức ưu đãi.
7. Công ty có thể mua sản phẩm do chính công ty phát hành theo những cách thức quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Công ty mua là chi phí và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận chi phí

1. Công ty có thể chấp nhận chi phí từ những sản phẩm và lợi ích sản phẩm.
2. Chứng nhận chi phí phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận chi phí phải ghi rõ số lượng và lợi ích chi phí mà công ty nhận, họ và tên người nhận và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chứng nhận quy định sản phẩm theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán yêu cầu mua sản phẩm theo quy định tại pháp luật phát hành chi phí của Công ty, người sản xuất sản phẩm chấp nhận chi phí. Người sản xuất sản phẩm không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận chi phí.
4. Trường hợp chứng nhận chi phí bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất, mất hoặc bị tiêu hủy, người sản xuất sản phẩm có thể yêu cầu chấp nhận chi phí mới với điều kiện phải trả bằng chứng vì sản phẩm và thanh toán mới chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ chi phí hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trường hợp chào bán, các chứng chỉ chứng khoán và các tài liệu chứng minh) có thể phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng chứng khoán

1. Tất cả các sản phẩm do chuyển nhượng khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Chi phí niêm yết trên Giao dịch chứng khoán có thể chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và chứng chỉ chứng khoán.

2. Công nhân chấp hành thanh toán y không chuyển nhượng và hàng các quy định liên quan như quy định về thuế, quy định về phí phát hành chứng từ và phần tử ngân hàng như chi phí mua chứng từ miễn chào bán.

Điều 9. Thu hồi chứng từ

1. Trường hợp công nhân không thanh toán y và ứng dụng số tiền phí mua chứng từ, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công nhân thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán y gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tính từ ngày (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng dụng yêu cầu, số chứng từ chấp hành thanh toán hết số thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quy định thu hồi các chứng từ chấp hành thanh toán y và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thực hiện.
4. Chứng từ thu hồi được coi là các chứng từ quy định chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc quy định bán, tái phân phối hoặc ghi quy định cho người đã sử dụng chứng từ thu hồi hoặc các nội dung khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công nhân mang chứng từ thu hồi phải bắt buộc công nhân vì những chứng từ đó, những văn phòng thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công nhân tiền lãi theo tỷ lệ (**không quá lãi suất huy động bình quân liên ngân hàng mặt tiền**) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công nhân thanh toán toàn bộ giá trị chứng từ vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi chứng từ gửi ngân hàng mang chứng từ thu hồi trực tiếp thu hồi. Việc thu hồi văn có hồ sơ kẹp trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KẾ TOÁN

Điều 10. Cấu trúc, quản trị và kế toán

Cấu trúc, quản trị và kế toán của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kế toán;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CÔNG VÀ HIGHLIGHTS

Điều 11. Quy định công

1. Công nhân là người chấp hành Công ty, có các quy định và nghĩa vụ theo số chứng từ và loại chứng từ mà họ sử dụng. Công nhân chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Nguyên tắc phân phối thông có các quy định sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp tại hội đồng hoặc thông qua đại diện của quy định hoặc thực hiện biểu quyết xa;
- b. Nhận xét và ý kiến theo quy định của hội đồng;
- c. Tạm ngưng những công việc phân bổ thanh toán ý theo quy định của luật này và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tăng vốn từ các phân phối thông mà hấp thụ;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công ty trong Danh sách công ty cách tham gia hội đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép từ công ty, biên bản họp hội đồng và các nghị quyết của hội đồng;
- g. Trường hợp Công ty ghi thiếu hoặc sai sót, công nhân viên tài sản còn lại tăng vốn từ các phân phối thông vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho công nhân viên ghi thiếu phân phối khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phiếu của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quy định khác theo quy định của luật này và pháp luật.

3. Công ty hoặc nhóm công nhân viên trên 5% tổng số phân phối thông trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng trở lên có các quy định sau:

- a. Các công nhân viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 24 và Khoản 2 và 3 Điều 32 của Luật này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp hội đồng theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công ty có quy định tham dự và biểu quyết tại hội đồng;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tăng vốn của công ty liên quan đến quy định, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh nếu công ty là tổ chức; số lượng phân phối và thời gian ký phân phối tại công ty, tổng số phân phối của nhóm công ty và tài sản trong tổng số phân phối của Công ty; và nếu cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quy định khác của quy định của luật này.

Điều 12. Nghĩa vụ của công

Công có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Hội đồng và thực hiện quy định quy tắc tiếp xúc thông qua địa chỉ quy định hoặc thực hiện bằng phi thư. Công có thể quy định cho thành viên Hội đồng quản trị làm địa chỉ cho mình tại Hội đồng.
3. Thanh toán tiền mua chứng khoán ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua chứng khoán.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đăng ký hình thức thực hiện mua trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác bất lợi hoặc phi lợi ích cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản chi phí nhân sự công nợ tài chính có thể xảy ra vì Công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của công

1. Nghĩa vụ của công là quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Nghĩa vụ của công thường niên bắt buộc mua chứng khoán (01) lần. Nghĩa vụ của công phải nộp tiền trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của công thường niên và lựa chọn địa chỉ phù hợp. Nghĩa vụ của công thường niên quy định như sau theo quy định của pháp luật và Điều Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kỹ sư toán viên công có thể tham gia Hội đồng quản trị cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải thực hiện nghĩa vụ của công bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bỏ cân kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kỹ sư toán của năm tài chính phải ảnh hưởng đến số vốn của (1/2) số vốn;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn số thành viên quy định trong Điều;
 - d. Công hoặc nhóm công quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều này yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của công bằng văn bản. Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của công phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có thể ký các công liên quan hoặc văn bản yêu cầu công lập thành nghị quyết, trong đó mô tả nội dung phải có chi tiết của tất cả những công có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cụ thể nhân viên Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động có ý nghĩa hành động ngoài phạm vi quy định của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày sự kiện Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Điều 3 Điều lệ này hoặc nhu cầu yêu cầu quy định tại Điều 3 Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại Điều 4 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng theo quy định Điều 5 Điều lệ 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại Điều 4 Điều lệ 136 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy định tại Điều 3 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Hội đồng theo quy định Điều 6 Điều lệ 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng triệu tập họp Hội đồng có quyền quyết định quan hệ ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Hội đồng. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng của công ty hoàn toàn do công đồng chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham dự Hội đồng, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

Điều 14. Quy định về nhiệm vụ của Hội đồng

1. Hội đồng thành viên có quyền theo dõi và thông qua:

a. Báo cáo tài chính năm của công ty;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Hội đồng thành viên và bất thành viên thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

b. Mục tiêu thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến lợi ích phần vốn. Mục tiêu này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các công đồng thành viên Hội đồng;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lịch công ty kế toán;

- e. B u, mi n nhi m, b ải nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
 - f. T ng s ti n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo ti n thù lao c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l Công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
 - l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
 - n. Vi c T ng giám c i u hành ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i Kho n l i u 162 Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;
 - p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.
3. C ông không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:
- a. Thông qua các h p ng quy nh t i Kho n l i u 14 khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
 - b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.
4. T t c các ngh quy t và các v n ả c a vào ch ng trình h p ph i c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng c ông.

i u 15. Các i di n c y quy n

1. Các c ông có quy n tham d i h i ng c ông theo lu t pháp có th u quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c u quy n cho m i ng i i di n.
2. Vi c u quy n cho ng i i di n d h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

- a. Trường hợp công cá nhân là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của công nhân và người chủ quy định;
- b. Trường hợp người đi định theo quy định của công là tổ chức là người quy định thì giấy quy định phải có chữ ký của người đi định theo quy định, người đi định theo pháp luật của công nhân và người chủ quy định;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy quy định phải có chữ ký của người đi định theo pháp luật của công nhân và người chủ quy định.

Người chủ quy định phải ghi rõ công nhân phải tuân thủ quy định khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chuyển đi định, vì chức vụ người định trong trường hợp này chỉ coi là có hiệu lực nếu giấy chuyển đi định đó có xuất trình cùng với giấy quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy quy định (nếu trường hợp có chấp hành ký với Công ty).
4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 điều 15, phụ lục quy định của người chủ quy định trong phạm vi chủ quy định có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người quy định chấp hành, bổ nhiệm chức vụ hành vi dân sự hoặc bổ nhiệm hành vi dân sự;
 - b. Người quy định thừa kế vì chức vụ quy định;
 - c. Người quy định thừa kế thẩm quyền của người chỉ định người quy định.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên thực tế khai mạc cuộc họp phải ghi rõ công nhân hoặc trực tiếp cuộc họp trực tiếp.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc bổ sung các quy định bắt buộc liên quan tới việc phân bổ vốn của công nhân ít nhất 65% của phần thông qua nghị quyết của công nhân ít nhất 75% quy định của tổ chức nói trên bằng quy định thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các công nhân để thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có ít nhất hai (02) công nhân (hoặc người đại diện của họ) và ít nhất một phần ba (1/3) giá trị danh sách các công nhân có mặt đã phát hành. Trường hợp không có sự đồng ý của người chủ quy định thì cuộc họp tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và nếu người chủ quy định của tổ chức (không phải thu về số lượng người và số phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của người chủ quy định coi là số lượng người chủ quy định. Tất cả các cuộc họp của công nhân phải nêu trên, nếu người chủ quy định của tổ chức có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi công nhân cùng loại có quy định bằng nhau thì các cuộc họp nêu trên.

2. Th t c t i n h à n h c á c c u c h p r i e n g b i t n h v y c th c h i n t n g t v i c á c q u y n h t i i u 18 v à i u 20 i u l n à y.
3. T r k h i c á c i u k h o n p h á t h à n h c p h n q u y n h k h á c, c á c q u y n c b i t g n l i n v i c á c l o i c p h n c ó q u y n u ã i v i m t s h o c t t c c á c v n l i e n q u a n n v i c p h a n p h i l i n h u n h o c t à i s n c a C o n g t y k h o n g b t h a y i k h i C o n g t y p h á t h à n h t h e m c á c c p h n c ù n g l o i.

i u 17. T r i u t p i h i n g c o n g, c h n g t r i n h h p v à t h o n g b á o h p i h i n g c o n g

1. H i n g q u n t r t r i u t p i h i n g c o n g h o c i h i n g c o n g c t r i u t p t h e o c á c t r n g h p q u y n h t i i m b h o c i m c K h o n 4 i u 13 i u l n à y.
2. N g i t r i u t p i h i n g c o n g p h i t h c h i n n h n g n h i m v s a u â y:
 - a. C h u n b d a n h s á c h c á c c o n g i u k i n t h a m g i a v à b i u q u y t t i i h i c h m n h t b a m i (30) n g à y t r c n g à y b t u t i n h à n h i h i n g c o n g; c h n g t r i n h h p, v à c á c t à i l i u t h e o q u y n h p h ù h p v i l u t p h á p v à c á c q u y n h c a C o n g t y;
 - b. X á c n h t h i g i a n v à a i m t c h c i h i;
 - c. T h o n g b á o v à g i t h o n g b á o h p i h i n g c o n g c h o t t c c á c c o n g c ó q u y n d h p.
3. T h o n g b á o h p i h i n g c o n g c g i c h o t t c c á c c o n g n g t h i c o n g b t r e n p h n g t i n t h o n g t i n c a S g i a o d c h c h n g k h o á n, t r e n t r a n g t h o n g t i n i n t (w e b s i t e) c a c o n g t y. T h o n g b á o h p i h i n g c o n g p h i c g i í t n h t m i (10) n g à y t r c n g à y h p i h i n g c o n g, (t í n h t n g à y m à t h o n g b á o c g i h o c c h u y n i m t c á c h p l, c t r c c p h í h o c c b v à o h o m t h). C h n g t r i n h h p i h i n g c o n g, c á c t à i l i u l i e n q u a n n c á c v n s c b i u q u y t t i i h i c g i c h o c á c c o n g h o c/v à n g t r e n t r a n g t h o n g t i n i n t c a C o n g t y. T r o n g t r n g h p t à i l i u k h o n g c g i k e m t h o n g b á o h p i h i n g c o n g, t h o n g b á o m i h p p h i n e u r o a c h t r a n g t h o n g t i n i n t c á c c o n g c ó t h t i p c n.
4. C o n g h o c n h ó m c o n g c c p t i K h o n 3 i u 11 i u l n à y c ó q u y n x u t c á c v n a v à o c h n g t r i n h h p i h i n g c o n g. x u t p h i c l à m b n g v n b n v à p h i c g i c h o C o n g t y í t n h t b a (03) n g à y l à m v i c t r c n g à y k h a i m c i h i n g c o n g. x u t p h i b a o g m h v à t e n c o n g, s l n g v à l o i c p h n n g i ó n m g i, v à n i d u n g n g h a v à o c h n g t r i n h h p.
5. N g i t r i u t p h p i h i n g c o n g c ó q u y n t c h i n h n g x u t l i e n q u a n n K h o n 4 i u 17 t r o n g c á c t r n g h p s a u:
 - a. x u t c g i n k h o n g ú n g t h i h n h o c k h o n g, k h o n g ú n g n i d u n g;
 - b. V à o t h i i m x u t, c o n g h o c n h ó m c o n g k h o n g c ó í t n h t 5% c p h n p h t h o n g t r o n g t h i g i a n l i e n t c í t n h t s á u (06) t h á n g t h e o q u y n h t i K h o n 3 i u 11 i u l n à y;
 - c. V n x u t k h o n g t h u c p h m v i t h m q u y n c a i h i n g c o n g b à n b c v à t h o n g q u a;

d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chủ động thông quy định cho công nhân trong công trình hợp.
7. Trường hợp tất cả công nhân đi 100% số công nhân có quy định về quy định tập thể tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện của quy định về hội đồng, nhưng quy định về hội đồng, hội đồng nhất trí thông qua và coi là hợp lệ trong trường hợp vì các lý do sau đây:
Hội đồng không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung quy định không có trong công trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp hội đồng

1. Cuộc họp hội đồng chỉ tiến hành khi có số công nhân đi ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quy định.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đạt điều kiện tiến hành theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ nhất. Cuộc họp của hội đồng triệu tập lần thứ hai chỉ tiến hành khi có số công nhân đi ít nhất 33% tổng số phiếu bầu quy định.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đạt điều kiện tiến hành theo quy định thì trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của hội đồng chỉ tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu bầu quy định của các công nhân.
4. Chỉ có hội đồng mới có quyền quy định thay đổi công trình hợp đồng cũ kèm theo thông báo mời họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và bầu quy định về hội đồng

1. Vào ngày tổ chức hội đồng, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký công nhân và phiếu thực hiện việc đăng ký cho nhân viên các công nhân có quy định hợp đồng ký kết.
2. Khi tiến hành đăng ký công nhân, Công ty phải cho công nhân hoặc đại diện của quy định về quy định bầu quy định, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của công nhân, họ và tên đại diện của quy định và số phiếu bầu quy định của công nhân. Khi tiến hành bầu quy định về hội đồng, số phiếu bầu quy định của công nhân, số phiếu bầu quy định của công nhân, cùng với tổng số phiếu bầu thành hay phần quy định. Tổng số phiếu bầu thành, phần, phiếu bầu trong đó không hợp lệ và phần của Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành bầu quy định về hội đồng. Hội đồng bầu ra người chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu bầu theo quy định của Chủ tịch. Thành viên của ban kiểm tra phiếu bầu về hội đồng quy định về công nhân của Chủ tịch nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Công nhân đại diện hội đồng phải có quy định đăng ký ngay và sau đó có quy định tham gia và bầu quy định về hội đồng. Chủ tịch không có trách nhiệm đăng ký cho công nhân mà phải đăng ký và hiểu về các quy định về tiến hành bầu quy định về hội đồng mà công nhân phải tham dự không bắt buộc.

4. Chức H i ینگ qu n tr làm ch to các cu c h p do H i ینگ qu n tr tri u t p. Tr ینگ h p
Ch ینگ v ینگ m t ho c t m th i m t kh n ینگ làm vi c thì các thành viên còn l i b u m t ینگ i
trong s h làm ch to cu c h p. Tr ینگ h p không có ینگ i có th làm ch to , thành viên H i
ینگ qu n tr có ch c v cao nh t i u khi n i h i ینگ c ینگ b u ch to cu c h p trong
s nh ینگ ینگ i d h p và ینگ i có phi u b u cao nh t làm ch to cu c h p.

Trong các tr ینگ h p khác, ینگ i ký tên tri u t p h p i h i ینگ c ینگ i u khi n i h i
ینگ c ینگ b u ch to cu c h p và ینگ i có phi u b u cao nh t c c làm ch to cu c
h p.

5. Ch to là ینگ i có quy n quy t nh v trình t , th t c và các s ki n phát sinh ngoài ch ینگ
trình c a i h i ینگ c ینگ.

6. Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ینگ c ینگ ã có
s l ینگ i bi u d h p c n thi t.

7. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th t i n hành các ho t ینگ c n thi t i u khi n i
h i ینگ c ینگ m t cách h p l và có tr t t ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a
s i bi u tham d .

8. H i ینگ qu n tr có th yêu c u các c ینگ ho c i di n c u quy n tham d i h i ینگ
c ینگ ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ینگ qu n tr cho là thích h p.
Tr ینگ h p có c ینگ ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ینگ quy nh v
ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nêu trên, H i ینگ qu n tr sau khi xem xét m t cách c n
tr ینگ có th t ch i ho c tr c xu t c ینگ ho c i di n nêu trên tham gia i h i.

9. H i ینگ qu n tr , sau khi ã xem xét m t cách c n tr ینگ, có th t i n hành các bi n pháp c
H i ینگ qu n tr cho là thích h p :

- a. B trí ch ینگ i t i a i m h p i h i ینگ c ینگ;
- b. B o m an toàn cho m i ینگ i có m t t i các a i m h p;
- c. T o i u ki n cho c ینگ tham d (ho c t i p t c tham d) i h i.

H i ینگ qu n tr có toàn quy n thay i nh ینگ bi n pháp nêu trên và áp d ینگ t t c các bi n
pháp n u H i ینگ qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ینگ có th là c p gi y vào c a ho c
s d ینگ nh ینگ hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ینگ h p t i i h i ینگ c ینگ có áp d ینگ các bi n pháp nêu trên, H i ینگ qu n tr
khi xác nh a i m i h i có th :

- a. Thông báo i h i c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i có m t t i
ó (“ a i m chính c a i h i”);
- b. B trí, t ch c nh ینگ c ینگ ho c i di n c u quy n không d h p c theo i u
kho n này ho c nh ینگ ینگ i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có
th ینگ th i tham d i h i;

Thông báo vì viết cho công nhân không cần nêu chi tiết những biện pháp thực hiện theo điều khoản này.

11. Trong điều này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi công nhân coi là tham gia hội đồng đại diện chính của công nhân.

Hàng năm Công ty thực hiện ngân sách ít nhất một (01) lần. Hội đồng thanh niên không thực hiện hình thức lý luận chính trị.

Điều 20. Thông qua quy định của hội đồng

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quy định của hội đồng và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các công nhân bầu quy định quy tắc bỏ phiếu tổng thể thông qua điều lệ quy định quy tắc bỏ phiếu của hội đồng:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về Hội đồng quản trị nhiệm vụ giám đốc điều hành.

2. Các quy định của hội đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, lợi ích của công nhân và số lượng phiếu chào bán, viết cho công nhân hay gì đó doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất của kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công nhân bầu quy định quy tắc bỏ phiếu tổng thể thông qua điều lệ quy định quy tắc bỏ phiếu của hội đồng (trong trường hợp thực hiện quy tắc bỏ phiếu) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các công nhân bầu quy định quy tắc bỏ phiếu (nếu việc thực hiện lý luận chính trị của công nhân).

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lý luận chính trị của công nhân quy định của hội đồng được thông qua nếu số công nhân ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quy định tán thành.

4. Nghị quyết của hội đồng phải được đăng tải trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý luận chính trị của công nhân thông qua quy định của hội đồng

Thẩm quyền và thủ tục lý luận chính trị của công nhân thông qua quy định của hội đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý luận chính trị của công nhân thông qua quy định của hội đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm lý luận chính trị, đồng thời quy định của hội đồng và các tài liệu ghi trình duyệt quy định. Phiếu lý luận chính trị kèm theo đồng thời quy định và tài liệu

gi trình phi công bị ngừng hoạt động. Hìng qu n tr phi m b o g i, công b tài li u cho các công trong m t th i gian h p lý xem xét bi u quy t và phi gi ít nh t m i (10) ngày tr c ngày h t h n nh n phi u l y ý ki n.

3. Phi u l y ý ki n phi có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký kinh doanh c a Công ty;

b. M c ích l y ý ki n;

c. H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a công là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a công ho c i di n theo u quy n c a công là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a công;

d. V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

e. Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;

f. Th i h n phi gi v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;

g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.

4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a công là cá nhân, c a ng i i di n theo u quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a công là t ch c.

Phi u l y ý ki n gi v Công ty phi c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi u l y ý ki n Công ty nh n c sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m u không h p l .

N u sau th i h n quy nh trong Phi u l y ý ki n c công mà Công ty không nh n c Phi u l y ý ki n c a công thì coi nh c công ã ng ý v i t t c các v n mà H i ng qu n tr ã xin ý ki n.

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a công không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u phi có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký kinh doanh;

b. M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

c. S c công v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l , kèm theo ph l c danh sách công tham gia bi u quy t;

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

e. Các quy t nh ã c thông qua;

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i t (24) gi k t ngày k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ph i c s c ông i di n ít nh t 51% t ng s c ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i ch trì i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông. Biên b n i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n hai m i b n (24) gi và g i cho t t c các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày k t ngày i h i ng c ông k t thúc. Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i bi ên b n. Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông đ h p và v n b n u quy n tham đ ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ông b hu b theo quy t nh c a Toà án ho c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b hu b có th xem xét t ch cli i h i ng c ông trong vòng 30 ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t Doanh nghi p và i u l này.

VII. H I NG QU N TR

i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr không i u hành/ c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.
2. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.
3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b r ò ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c .
4. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ng qu n tr và H i ng qu n tr quy t nh ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b b i nhi m theo quy t nh c a i h i ng c ông.
5. H i ng qu n tr có th b nhi m ng i khác t m th i làm thành viên H i ng qu n tr thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vi c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k

c a Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không có lịch sử công chép thu nhập, mới quy định của Hội đồng quản trị cho nên trừ chi phí đi ra lịch sử công có sự tham gia bình quy định của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn coi là có lịch sử.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người làm việc phần của Công ty.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có ý quyết định thực hiện tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định thu về lịch sử công chép.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quy định của lịch sử công chép quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên các các mục tiêu chính lịch sử công chép thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo nghị quyết của Tổng giám đốc điều hành và quy định nội bộ;

d. Quyết định cấu trúc của Công ty;

e. Giám quyết các khiếu nại của Công ty về vị trí cán bộ quản lý công chép quy định là chức năng đi của Công ty giám quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý về vị trí cán bộ quản lý;

f. Xuất các loại phí có thể phát hành và tăng số phí phát hành theo đúng loại;

g. Xuất vị trí phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quy định cho phép người sử dụng mua trái phiếu theo mức giá nhất định;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp lịch sử công chép quy định;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng về vị trí Tổng giám đốc điều hành và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định. Việc bãi nhiệm nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Báo cáo lịch sử công chép về vị trí Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

k. Xuất mặt cắt hàng năm và xác định mặt cắt tài chính; thực hiện vị trí chi trả tài chính;

l. Xuất vị trí thực hiện lịch sử công chép về vị trí Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - Thành lập các công ty con của Công ty;
 - Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy tình hình quy định về thẩm quyền, số lượng và hạn mức các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - Chức vụ và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Luật sư của Công ty;
 - Việc vay nợ và việc thế chấp các khoản tiền, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;
 - Các khoản thuế không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Việc công ty mua hoặc thuê nhà không quá 10% mức lợi nhuận;
 - Quy định mức giá mua hoặc thuê nhà của Công ty;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Hội đồng về công việc hoạt động của mình, có thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp hành Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện của người ủy quyền thay thế) có nghĩa vụ làm việc cho công việc của mình một cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác của công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty

và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là i di n ph n v n góp ph i c công b chi ti t trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị n m gi ch c v i u hành ho c thành viên Hội đồng quản trị làm vi c t i các t i u ban c a Hội đồng quản trị ho c th c hi n nh ng công vi c khác mà theo Hội đồng quản trị là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên Hội đồng quản trị , có th c tr thêm t i n thù lao d i d ng m t kho n t i n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c d i hình th c khác theo quy t nh c a Hội đồng quản trị .
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên Hội đồng quản trị c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham d các cu c h p i h i ng c ông, Hội đồng quản trị ho c các t i u ban c a Hội đồng quản trị .

i u 26. Ch t ch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị b u m t thành viên c a Hội đồng quản trị làm Ch t ch. Ch t ch Hội đồng quản trị có th kiêm T ng giám c công ty tr tr ng h p pháp lu t v ch ng k hoán không có quy nh khác.
2. Ch t ch Hội đồng quản trị có trách nhi m tri u t p và làm ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a Hội đồng quản trị , ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i có trách nhi m m b o vi c Hội đồng quản trị g i báo cáo tài chính n m, báo cáo ho t ng c a Công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a Hội đồng quản trị cho các c ông t i i h i ng c ông.
4. Tr ng h p Ch t ch Hội đồng quản trị t ch c ho c b bãi nhi m, Hội đồng quản trị ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày.

i u 27. Các cu c h p c a Hội đồng quản trị

1. Tr ng h p Hội đồng quản trị b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k Hội đồng quản trị b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c t i n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c Hội đồng quản trị nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ngang nhau thì các thành viên này b u m t ng i trong s h tri u t p h p Hội đồng quản trị theo nguyên t c a s .
2. Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p các cu c h p Hội đồng quản trị th ng k , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m (05) ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t (01) l n.
3. Ch t ch Hội đồng quản trị tri u t p các cu c h p b t th ng khi th y c n thi t vì l i ích c a Công ty. Ngoài ra, Ch t ch Hội đồng quản trị ph i tri u t p h p Hội đồng quản trị , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 điều 27 phải thực hiện trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có xuất phát. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận thì theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra với Công ty; những nghị quyết của Hội đồng quản trị của Khoản 3 điều 27 có thể tự mình chấp thuận.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chấp thuận Hội đồng quản trị bàn và báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo cách thức ký của Công ty hoặc những cách khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và cấu trúc của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải gửi trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi thực hiện, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và việc chỉ này có thể có hiệu lực. Thông báo họp Hội đồng phải làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo ý kiến, thời gian, địa điểm, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phụ lục cho những thành viên Hội đồng không thể tham dự.

Thông báo miệng có thể bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc những phương thức khác, những phụ lục bổ sung của các thành viên Hội đồng quản trị cũng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần đầu tiên thực hiện các quy định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người ủy quyền).

Trường hợp không có thành viên tham dự theo quy định, cuộc họp phải trì hoãn trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày đầu tiên hoãn tiếp theo. Cuộc họp trì hoãn phải thực hiện nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

9. Biểu quyết.

a. Trường hợp nhất định tại Khoản 9 điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền trực tiếp có mặt với cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không có biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất phát mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không tính vào số người biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị có thể thực hiện cuộc họp Hội đồng quản trị về những quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điều 9 của Luật 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quy định của quy định thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng văn bản thì quy định của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tiếp cho cơ quan chức năng quy định. Phân quyết của cơ quan liên quan đến vấn đề này có giá trị là quy định của cùng cơ quan chức năng pháp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan của công bố;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị không liên quan đến quy định của và Điều 4 của Luật 35 của Luật này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp của công ty không liên quan đến giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bất kỳ thành viên nào có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bằng văn bản, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trưởng ban thành viên Hội đồng quản trị không bất kỳ thành viên và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch ký kết với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này bất kỳ lợi ích của mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Hội đồng quản trị thông qua các quy định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trưởng ban phải phê duyệt tán thành và phân bổ ngang bằng nhau, phải tuân theo quy định của Luật của Hội đồng quản trị là phải tuân theo quy định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đang tham gia họp khác nhau vì lý do kỹ thuật mà thành viên tham gia họp có thể:
- Nghe tiếng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu và tiếp xúc các thành viên tham dự khác một cách riêng tư.
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này để đi ra vào thời điểm thông qua điện thoại hay sau này) hoặc là kết quả của nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Mọi việc của cuộc họp trước khi thực hiện theo quy định này là mọi việc mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng thuận đồng ý, hoặc nếu không có mặt nhóm họp, là mọi việc mà Chủ tịch cuộc họp hiện diện.
- Các quy định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại trước khi thực hiện và tiến hành một cách hợp pháp có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
13. Nghị quyết theo hình thức lý do kỹ thuật bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quy định của quy định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị

những quy tắc các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp đặc biệt và thực hiện theo thông lệ.

14. Chức năng Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực công việc đã thực hiện trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối của thành viên biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản có lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của tiểu ban, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể cho phép hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó có quyền biểu quyết với cách thành viên của tiểu ban như (a) phần bổ sung thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) quy định của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý của thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc biểu quyết của thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

điều 28. Chức năng máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo máy quản lý chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải thực hiện bằng quy định Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp pháp.

điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Tổng giám đốc điều hành và các chức vụ thuộc của Hội đồng quản trị, Công ty có thể tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với sự đồng ý và chấp thuận phù hợp của Hội đồng quản trị và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất tu theo thẩm quyền. Cán bộ quản lý phải có phẩm chất cần thiết các hoạt động và thực hiện của Công ty theo các mục tiêu đề ra.
2. Mục tiêu, tiến độ, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

i u 30. B nh i m, m i n nh i m, nh i m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành

1. H i ng qu n tr b nh i m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm T ng giám c i u hành; ký h p ng trong ó quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan khác. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a T ng giám c i u hành ph i c báo cáo t i i h i ng c ô ng th ng niên và c nêu trong Báo cáo th ng niên c a Công ty.
2. Nhi m k c a T ng giám c i u hành là ba (03) n m và có th c tái b nh i m. Vi c b nh i m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng giám c i u hành không ph i là ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này.
3. T ng giám c i u hành có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:
 - a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ô ng, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ô ng thông qua;
 - b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr, bao g m vi c thay m t Công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;
 - c. K i n ngh s l ng và các lo i cán b qu n lý mà Công ty c n tui n d ng H i ng qu n tr b nh i m ho c m i n nh i m nh m th c hi n các ho t ng qu n lý t t theo xu t c a H i ng qu n tr, và t v n H i ng qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;
 - d. Tham kh o ý k i n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nh i m, m i n nh i m và các i u kho n khác liên quan n h p ng lao ng c a h ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng n m, T ng giám c i u hành ph i trình H i ng qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính t i p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m (05) n m;
 - f. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;
 - g. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b ng cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n t i n t d k i n) cho t ng n m tài chính ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty;
 - h. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr, h p ng lao ng c a T ng giám c i u hành và pháp lu t.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và chỉ huy công việc vì các nhiệm vụ và quy định của giao và phi báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc chịu trách nhiệm khi các thành viên Hội đồng quản trị đã họp có quy định quy tắc tán thành và bỏ nhiệm vụ Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thay thế.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty vì nhiệm vụ và trách nhiệm của họ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm vụ hay nhậm chức Thủ ký Công ty tùy theo thẩm quyền. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

1. Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ huy công việc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tổ chức và điều hành các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, báo cáo biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty tối đa (03) và tối thiểu (01) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Tổ chức và điều hành Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình Hội đồng.
2. Các công có quy định phí ưu đãi quy định tại nghị định liên nhau của các ngân viên Ban kiểm soát. Công hoc nhóm công n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên.
3. Trường hợp số lượng các ngân viên Ban kiểm soát thông qua và ngân viên không số lượng n thi t, Ban kiểm soát ngân nhi m có thể thêm ngân viên hoc t ch c c theo cách công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. Cách Ban kiểm soát ngân nhi m c ngân viên Ban kiểm soát phi c công b rõ ràng và phi c i h i ng công thông qua tr c khi t i n hành c .
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do i h i ng công bu, nhi m k c a Ban kiểm soát không quá n m (05) n m; thành viên Ban kiểm soát có thể c b u l i v i s nhi m k không h n ch .
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn t cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Thành viên ó b pháp lu t c m làm thành viên Ban kiểm soát;
 - Thành viên ó t ch c b ng m t v n b n thông báo c g i n tr s chính c a Công ty;
 - Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác của Ban kiểm soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi dân s ;
 - Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban kiểm soát liên t c trong vòng sáu (06) tháng liên t c không c s ch p thu n c a Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quy t nh r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban kiểm soát theo quy t nh c a i h i ng công.

Đ i u 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phi có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quy n h n và trách nhi m theo quy nh t i Đ i u 165 Lu t Doanh nghi p và Đ i u l này, ch y u là nh ng quy n h n và trách nhi m sau đây:
- Xu t l a ch n công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n có liên quan;
 - Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;
 - Xin ý ki n t v n chuyên nghi p c l p hoc t v n v pháp lý và m b o s tham gia c a nh ng chuyên gia bên ngoài công ty v i kinh nghi m trình chuyên môn phù h p vào công vi c c a công ty n u th y c n thi t;
 - Ki m tra các báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý;

- e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
 - f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n; và
 - h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .
 3. Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.
 4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ng khác c a Ban ki m soát.

X. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC

i u 34. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng ph i có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.
2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c i u hành và cán b qu n lý khác có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bố lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bố lãnh nêu trên đã có sự chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan như hoặc công ty, tác nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan như là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:
 - a. Giá trị hợp đồng có giá trị tối đa 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc từ ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách sử dụng tài sản của thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Giá trị những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định về quy tắc vận hành, và những công đồng đó đã sử dụng tài sản của thành viên hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một trong các tiêu chí sau đây để công đồng và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan tới các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc từ ban chấp hành của Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty hoặc từ lợi ích khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thi hành và bất thành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vì phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự mất mát và những lợi ích chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bị thiệt hại cho những người khác, hoặc có thiệt hại thành phần liên quan trong các vụ kiện tụng, kiện, khởi kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm cho Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo

yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đi đến theo quy định của Công ty với điều kiện người có hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và lợi ích cho công ty không chỉ lợi ích cá nhân của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người có hành vi phạm vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đi đến theo quy định của Công ty của Công ty bất kỳ thời điểm thành lập liên quan trong các vụ kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Hành vi trung thực, cẩn trọng, minh bạch và lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận là không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bất kỳ bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt quá trình tố tụng coi là mức hợp lý khi gì quy định trong văn bản này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất kỳ nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH UTTRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

Điều 37. Quy định uttras sách và h s

1. Công nhân nhóm công nhân cấp 2 Điều 24 và Điều 32 Điều này có quy định tiếp theo qua người quy định, giám đốc yêu cầu kiểm tra danh sách công nhân, các biên bản họp hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ có trong giấy tờ và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đi đến quy định của công nhân kèm theo giấy quy định của công nhân mà người đi đến hoặc mặt bằng công nhân của giấy quy định này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quy định kiểm tra sổ sách của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải công bố.
3. Công ty phải lập Điều này và những bản sao bổ sung Điều này, Giấy chứng nhận kinh doanh nghiệp, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định tài sản, nghị quyết hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt khác với điều kiện là các công nhân và quan hệ kinh doanh công bố và miễn trừ các giấy tờ này.
4. Điều này Công ty phải công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 38. Công nhân viên và công oàn

1. Tổng giám đốc và hành chính nhân sự phải lập kế hoạch Hàng năm qua thông qua các văn bản liên quan nhân viên công nhân, cho người lao động thôi việc, nghỉ, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kế hoạch phúc lợi người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc và hành chính nhân sự phải lập kế hoạch Hàng năm qua thông qua các văn bản liên quan nhân viên Công ty và các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nhân công thông lệ và chính sách quy định nội quy này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LI NHU N

Điều 39. Phân phối li nhu n

1. Việc phân phối công quy định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quy định tạm ngừng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể ngừng việc phân phối công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
5. Trường hợp cổ tức hay khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu của chi nhánh ngân hàng, Công ty phải chi trả cho ngân hàng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công ty khác. Việc thanh toán cổ tức về các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể thực hiện thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày chốt danh sách công ty. Căn cứ theo ngày đó, nhân công nhân viên ký với các công ty hoặc người sở hữu các chứng khoán khác để quy định nhân số cổ tức, lãi suất, phân phối li nhu n, nhân số cổ phiếu, nhân thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các văn bản khác liên quan đến phân phối li nhu n có thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NỘM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN

i u 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

i u 41. Nợ tài chính

Nợ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày ưu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12. Nợ tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày tháng 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

i u 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải minh bạch và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam (hoặc quốc tế do chuyển đổi trong trường hợp cần quan hệ nước ngoài) làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THỐNG KÊ NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo định kỳ kế toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm miễn phí cho công chúng thông qua các quan có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các quan quản lý kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế, ngân hàng và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải công bố trên website của Công ty.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hồ sơ sao chép bản báo cáo tài chính năm kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì trừ chi phí của Công ty và phải trả một phần chi phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Hội đồng công ty thường niên chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo đã đề ra trên nghị quyết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và ghi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán độc lập gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thành viên của kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng công ty và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng công ty mà các công ty quy định và các phát biểu kỹ thuật liên quan đến các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DŨ

Điều 46. Con dũa

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dũa chính thức của Công ty và con dũa các khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và quản lý con dũa theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẾ ĐỘ THO T NG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chế độ thoái thoái

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thi hành hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã giải ngân;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giấy tờ chứng minh thi hành theo quy định của chính quyền công đồng;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc ghi thi Công ty chứng minh (kể cả thi hành đã giải ngân) do chính quyền công đồng quy định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quy định ghi thi này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

Điều 48. Giải ngân hoạt động

1. Hội đồng quản trị ủy quyền cho chính quyền ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thi hành hoạt động công đồng có thể ủy quyền vì việc giải ngân hoạt động của Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Thi hành hoạt động của giải ngân khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại chính quyền công đồng thông qua.

Điều 49. Thanh lý

1. Từ tháng sáu (06) tháng trước khi kết thúc thi hành hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định ghi thi Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do chính quyền công đồng chọn và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ các thành viên công ty kế toán trưởng. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là thành viên Công ty hoặc chuyên gia trưởng. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tài sản của công đồng thanh lý của thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bồi dưỡng cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ (a) và (e) trên đây sẽ phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi người có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tài sản quy định và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định nội bộ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giải quyết:

a. Công đồng viên Công ty;

b. Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cùng giải quyết tranh chấp có thông qua thủ tục lắng nghe và hoà giải. Tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ giải quyết tranh chấp và yêu cầu bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bên nào có thể yêu cầu mời hội đồng chuyên gia độc lập hành động với cách là trợ tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Tranh chấp không thuộc quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không có các bên chấp nhận, bên nào có thể đưa tranh chấp ra Tòa tài phán kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục lắng nghe và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 51. Bổ sung và sử dụng

1. Việc bổ sung, sửa đổi nội dung này phải có sự đồng ý của Hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa có quy định trong bản nội dung này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những nội dung trong nội dung này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực tự nhiên áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản nội dung này gồm 21 chương 52 điều có hiệu lực kể từ ngày niêm Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng xanh nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 15 tháng 05 năm 2015 và cùng chấp thu nội dung toàn văn của nội dung này.

Nội dung này có hiệu lực, bổ sung theo Điều 13 Nghị quyết số 01/NQ-HC ngày 15 tháng 05 năm 2015.

2. Nội dung có hiệu lực thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Mã số (01) ban hành tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương
 - b. Mã số (05) ban hành ký tịch quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ;
 - c. Mã số (04) ban hành tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Nội dung này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục nội dung Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- H, tên, chữ ký của người đi đại diện theo pháp luật hoặc của các công tác viên phó của người đi đại diện theo quy định của công tác viên phó của Công ty./.

